

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 22/01/2025  
*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Phiến;

2. Bà Bùi Thanh Thúy;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thái Thiên Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thanh Tiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2024/TLST- HNGĐ, ngày 17/10/2024 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 16/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST – HN ngày 07/01/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đặng Thị Mỹ L, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Võ Minh T, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị Đặng Thị Mỹ L trình bày:*

Chị và anh T được mai mối khoảng vài tháng thì tiến đến hôn nhân, được gia đình tổ chức cưới vào năm 2007, vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài tháng thì anh T dùng lời lẽ cay đắng làm tổn thương tinh thần chị, anh T ăn chơi đá gà không lo làm ăn ngoài ra anh T còn ghen tuông vô cớ, chị cũng khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T không chịu sửa đổi. Khoảng thời gian 06 - 07 năm gần đây do không chịu nổi nên chị đã về nhà mẹ

ruột sinh sống. Anh T động viên và hứa sửa đổi nên chị đã đồng ý trở về chung sống trở lại. Thời gian chung sống anh T vẫn không thay đổi nên vợ chồng chung sống đến tháng 7/2024, chị bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Hiện nay, chị không còn tình cảm cũng không thể nào chung sống với anh T được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Minh T.

Về con chung: có 02 con chung tên Võ Thị Mỹ L1, sinh ngày 16/9/2008 và Võ Thị Mỹ Tiên S ngày 19/10/2012. Chị L yêu cầu được nuôi 02 con chung sau khi ly hôn, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con (các con đang sống với chị L).

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo biên bản ghi lời khai anh Võ Minh T trình bày:*

Thời gian chung sống như chị L trình bày là đúng, anh và chị L được mai mối tổ chức cưới vào năm 2007 vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian chung sống hạnh phúc đến khoảng một năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn do anh hay đá gà chị L có khuyên nhu nhưng anh vẫn chưa sửa đổi được ngoài ra anh có ghen tuông nên đánh chị vì vậy chị L đã trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ ngày 02/7/2024 nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Thời gian sống ly thân anh cũng động viên chị chung sống trở lại nhưng chị L không đồng ý. Hiện nay anh T còn tình cảm với chị L nên chị L xin ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: có 02 con chung tên Võ Thị Mỹ L1, sinh ngày 16/9/2008 và Võ Thị Mỹ Tiên S ngày 19/10/2012. Anh T không đồng ý để 02 con cho chị L nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Trường hợp phải ly hôn anh T yêu cầu được nuôi 02 con sau khi ly hôn, anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con (các con đang sống với chị L).

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: thẩm phán đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án.
- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không đến phiên tòa là chưa chấp hành theo điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị Mỹ L được ly hôn với anh Võ Minh T. Về con chung: giao 02 cháu Võ Thị Mỹ L1, sinh ngày 16/9/2008 và Võ

Thị Mỹ Tiên S ngày 19/10/2012 cho chị L nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con: do anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung, tài sản chung: do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Tranh chấp giữa chị Đặng Thị Mỹ L và anh Võ Minh T là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con chung qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T có hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã A, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Đặng Thị Mỹ L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Võ Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Đặng Thị Mỹ L và anh Võ Minh T chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T chơi cờ bạc không lo làm ăn, anh T hay ghen tuông vô cớ và đánh chị L, nên chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 7/2024 nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh T cũng tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị L không đồng ý và vẫn kiên quyết ly hôn. Anh T cho rằng vẫn còn tình cảm với chị L nên chị L xin ly hôn anh T không đồng ý.

Xét thấy vợ chồng chung sống với nhau phải có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Trong thời gian chung sống giữa chị L và anh T xảy ra mâu thuẫn do anh T cờ bạc không lo cho gia đình và ghen tuông vô cớ nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 07/2024. Từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay thời gian cũng đã lâu nhưng anh T cũng không có biện pháp nào để vợ chồng chung sống trở lại với nhau, điều đó chứng tỏ rằng mâu thuẫn giữa chị L với anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị L yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị Mỹ L được ly hôn với anh Võ Minh T.

[2.2] Về con chung: chị L yêu cầu được nuôi 02 con Võ Thị Mỹ L1, sinh ngày 16/9/2008 và Võ Thị Mỹ Tiên S ngày 19/10/2012 sau khi ly hôn, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Võ Minh T không đồng ý theo yêu cầu của chị L, anh T cũng yêu cầu được nuôi 02 con sau sau khi ly hôn, anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng anh T và chị L đều có yêu cầu được nuôi 02 con Võ Thị Mỹ L1 và Võ Thị Mỹ T1 sau khi ly hôn. Hiện nay cháu Mỹ L1 và Mỹ T1 đang sống với chị L cuộc sống của các cháu đã ổn định và các cháu là nữ nếu giao cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sẽ thuận lợi cho sự phát triển về tâm sinh lý của các cháu. Mặt khác, cháu L1 và cháu T1 cũng có nguyện vọng được sống cùng với chị L. Do vậy, nên giao cháu Mỹ T1 và Mỹ L1 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị L và anh T trình bày tài sản chung tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có nên chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội. Chị Đặng Thị Mỹ L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như đã phân tích trên là có căn cứ nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Đặng Thị Mỹ L.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* chị Đặng Thị Mỹ L được ly hôn với anh Võ Minh T.

1.2. *Về con chung:* giao cháu Võ Thị Mỹ L1, sinh ngày 16/9/2008 và Võ Thị Mỹ Tiên S ngày 19/10/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con (cháu L1 và cháu T1 đang sống với chị L).

Sau khi ly hôn, anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

1.3. *Về tài sản chung:* chị L và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

1.4. *Về nợ chung*: chị L2 anh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Về án phí*: Chị Đặng Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp ngày 14/10/2024 theo biên lai số 0013591 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được chuyển thành án phí chị L phải nộp.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- UBND xã An Phú Thuận, huyện Châu Thành (Số 30 ngày 24/03/2008);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Hồng Loan**